

ĐÁNH GIÁ NHẬN THỨC CỦA CỘNG ĐỒNG VỀ BẢO TỒN SẾU ĐÀU ĐỎ

Tống Yên Đan¹ và Trần Thị Thu Duyên¹

ABSTRACT

The research measures willingness to pay (WTP) using contingent valuation method (CVM) for a Conservation Program of the Vietnamese Grus Antigones, which are now critically endangered. A drop-off survey of 738 households was done in Can Tho City; 410 households responded.

Results from the study indicated less than 50% of respondents were willing to pay for the Conservation Program. The bid, respondent's education, household's income, respondent's knowledge on Grus Antigones and respondent's belief on the recommended conservation program had a significant impact on the WTP. The mean WTP was estimated at 12.222 VND/household.

Keywords: *Contingent Valuation Method (CVM), Willingness to Pay (WTP)*

Title: *Evaluating the awareness of community about the conservation of the Vietnamese grus antigones*

TÓM TẮT

Nghiên cứu đo lường sự sẵn lòng chi trả (WTP) bằng cách sử dụng phương pháp đánh giá ngẫu nhiên (CVM) cho một chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ Việt Nam, loài bây giờ đang bị đe dọa tuyệt chủng. Một cuộc khảo sát bằng phương pháp “drop-off” trên 738 hộ gia đình được thực hiện ở thành phố Cần Thơ; 410 hộ đã trả lời.

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ đáp viên sẵn lòng chi trả để ủng hộ cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ dưới 50%. Mức giá đưa ra khảo sát, trình độ học vấn của đáp viên, thu nhập của gia đình đáp viên, hiểu biết của đáp viên về thực trạng của Sếu đầu đỏ và sự tin tưởng của đáp viên vào Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ tác động đến sự sẵn lòng chi trả của đáp viên. Sự sẵn lòng chi trả trung bình được ước lượng khoảng 12.222 VND/hộ.

Từ khóa: *Phương pháp Đánh Giá Ngẫu Nhiên (CVM), Sự sẵn lòng chi trả (WTP)*

1 GIỚI THIỆU

Việt Nam là một trong những quốc gia có đa dạng sinh học cao nhất thế giới. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển của xã hội, do những nguyên nhân khác nhau, nhiều loài động vật và thực vật đã bị tuyệt chủng hoặc bị đe dọa tuyệt chủng, các nguồn tài nguyên sinh vật và đa dạng sinh học không ngừng bị suy giảm². Tổng số loài động – thực vật hoang dã trong thiên nhiên đang bị đe dọa hiện nay đã tăng lên 882 loài, tăng 167 loài so với thời điểm năm 1992. Nếu trong Sách Đỏ Việt Nam 1992-1996 mức độ bị đe dọa cao nhất ở các loài chỉ mới ở thứ hạng nguy cấp thì trong Sách đỏ Việt Nam 2005-2007 ở mức bị tuyệt chủng hoàn toàn. Một số lượng lớn các loài trước đây còn được xếp trong thứ hạng sẽ nguy cấp thì nay đã

¹ Khoa Kinh Tế - QTKD, Trường Đại học Cần Thơ

² Theo Sách đỏ Việt Nam 2007, trang 5

phải chuyển sang thứ hạng nguy cấp. Trước thực trạng đó, chúng ta cần phải có những hành động cụ thể để bảo tồn các loài động – thực vật bị đe dọa này.

Trong số các loài động vật quý hiếm bị đe dọa tuyệt chủng ở Việt Nam, có Sếu đầu đỏ. Sếu đầu đỏ là một loài chim quý hiếm nằm trong Sách Đỏ Việt Nam và của thế giới. Bên cạnh đó, Sếu đầu đỏ còn có giá trị về văn hóa – tinh thần. Ở Việt Nam, Sếu đầu đỏ phân bố chủ yếu ở đồng bằng sông Cửu Long, nhiều nhất là ở vùng Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Năm 1990 đếm được 1.110 cá thể Sếu đầu đỏ ở Tràm Chim¹.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, số lượng Sếu đầu đỏ ở Việt Nam đang có chiều hướng giảm dần². Tháng 3-2009, tại khu vực Tràm Chim (Đồng Tháp) ghi nhận chỉ còn khoảng 60 con Sếu đầu đỏ. Các nhà khoa học dự báo rằng Sếu đầu đỏ có thể bị tuyệt chủng ở đồng bằng sông Cửu Long. Do đó, cần phải có sự nỗ lực của cả cộng đồng để bảo tồn loài động vật quý hiếm này. Hiện nay đang có dự án phục hồi sinh cảnh đất ngập nước Đồng Tháp Mười – Vườn Quốc gia Tràm Chim do công ty Coca-Cola và Tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế phối hợp thực hiện trong 3 năm (2008-2011), dự án này bước đầu có hiệu quả tích cực trong việc bảo tồn Sếu đầu đỏ. Còn về phía người dân Việt Nam thì sao? Người dân Việt Nam, đặc biệt là người dân đồng bằng sông Cửu Long nhận thức thế nào về vấn đề này và họ có sẵn lòng đóng góp tiền để bảo tồn Sếu đầu đỏ hay không. Việc nghiên cứu vấn đề này là cần thiết bởi vì trong tương lai khi dự án trên kết thúc thì Việt Nam phải tự thực hiện chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ. Hơn nữa, dự án này chỉ thực hiện ở Đồng Tháp, vẫn còn những địa phương khác có Sếu đầu đỏ sinh sống cũng cần có chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ. Hiện nay, vẫn chưa có nghiên cứu khoa học nào tìm hiểu về vấn đề này. Điều này đã đặt ra hướng nghiên cứu cho đề tài “Đánh giá nhận thức của cộng đồng về bảo tồn Sếu đầu đỏ”.

Mục tiêu tổng quát của bài viết là tìm hiểu nhận thức, thái độ cũng như sự sẵn lòng chi trả để bảo tồn Sếu đầu đỏ của cộng đồng, qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của họ đối với việc bảo tồn các động vật bị đe dọa nói chung, Sếu đầu đỏ nói riêng và một số giải pháp cho việc thu Quỹ bảo tồn Sếu đầu đỏ.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG TIỆN NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng phương pháp đánh giá ngẫu nhiên (contingent valuation method – CVM)³ để nghiên cứu, nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể sau:

2.1 Mục tiêu nghiên cứu

- Xác định nhận thức và thái độ của người dân đối với việc bảo tồn Sếu đầu đỏ.
- Xác định người dân có sẵn lòng trả tiền cho việc bảo tồn Sếu đầu đỏ không.
- Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng trả tiền ủng hộ cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ của người dân.

¹ Theo Sách đỏ Việt Nam, trang 184

² Theo Sách đỏ Việt Nam, trang 185

³Theo Navrud, S. (1999): CVM là phương pháp dùng để đánh giá giá trị hàng hoá môi trường bằng cách hỏi trực tiếp

- Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của người dân về việc bảo tồn các động vật bị đe dọa nói chung, Sếu đầu đỏ nói riêng và một số giải pháp cho việc thu Quỹ bảo tồn Sếu đầu đỏ.

2.2 Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu chính dùng trong bài viết này là số liệu sơ cấp được thu thập thông qua phỏng vấn các hộ gia đình ở thành phố Cần Thơ từ tháng 2 đến tháng 3 năm 2009.

Bảng câu hỏi được xây dựng nhằm tìm hiểu nhận thức, thái độ của đáp viên đối với việc bảo tồn các động vật bị đe dọa nói chung, Sếu đầu đỏ nói riêng và sự sẵn lòng chi trả (Willingness To Pay – WTP)¹ của đáp viên cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ. Trước khi đặt câu hỏi WTP cho đáp viên, bảng câu hỏi cung cấp thông tin về thực trạng của Sếu đầu đỏ, đưa ra kế hoạch về Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ. Sau đó hỏi các đáp viên có đồng ý ủng hộ cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ một khoản tiền hay không, khoản tiền này chỉ đóng góp một lần và được thêm vào hóa đơn tiền điện của gia đình và các gia đình khác ở Việt Nam. Khoản tiền (hay còn gọi là mức giá) được đưa ra khảo sát là: 1.000đ, 10.000đ, 25.000đ, 50.000đ và 300.000đ.

Phương pháp phỏng vấn: phương pháp phỏng vấn “drop-off” được sử dụng. Các phỏng vấn viên đến các hộ gia đình đã được chọn, giới thiệu mục tiêu của cuộc nghiên cứu, để lại bảng câu hỏi và thu lại bảng câu hỏi sau 2 ngày.

2.3 Phương pháp phân tích số liệu

Phương pháp thống kê mô tả: để đánh giá nhận thức, thái độ của đáp viên đối với các động vật bị đe dọa nói chung và Sếu đầu đỏ nói riêng.

Do lường trung bình WTP theo phương pháp phi tham số:

- Tổng số mẫu quan sát là N= 410 (hộ gia đình).
- Có j giá trị WTP khác nhau.
- t_j là các mức giá mà các đáp viên sẵn lòng chi trả.
- h_j là số hộ sẵn lòng chi trả tương ứng với các mức giá t_j.
- n_j là tổng số hộ sẵn lòng chi trả cao hơn mức giá t_j.

$$n_j = \sum_{k=j+1}^j h_k$$

- S(t_j) là hàm “survivor fuction”.

$$S(t_j) = \frac{n_j}{N}$$

- WTP trung bình là:

$$MeanWTP = \sum_{j=0}^j S(t_j) [t_{j+1} - t_j]$$

¹ Theo Chương trình môi trường Liên Hiệp Quốc UNEP: WTP được định nghĩa như là một khoản tiền mà một cá nhân sẵn lòng chi trả để có được hàng hóa hay dịch vụ nào đó

Phương pháp hồi quy tuyến tính bội bằng mô hình kinh tế lượng: để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng chi trả của người dân để ủng hộ cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ.

2.4 Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của đề tài giới hạn ở thành phố Cần Thơ. Thành phố Cần Thơ được chọn làm địa điểm nghiên cứu trong đề tài này bởi vì đây là một trong những thành phố lớn của cả nước và là trung tâm kinh tế - xã hội của cả vùng đồng bằng sông Cửu Long, kết quả nghiên cứu này có thể làm cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo.

3 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1 Phân tích thái độ của người dân thành phố Cần Thơ đối với việc bảo tồn các động vật bị đe dọa

Kết quả khảo sát cho thấy vấn đề môi trường không nằm trong ba vấn đề quốc gia mà đáp viên quan tâm nhất hiện nay (kinh tế, nghèo đói và giáo dục là 3 vấn đề được quan tâm nhiều nhất). Trong các vấn đề về môi trường, vấn đề bảo tồn động vật quý hiếm cũng không được ưu tiên cao trong sự quan tâm của đáp viên. Thái độ của đáp viên đối với việc bảo tồn các động vật bị đe dọa được thể hiện rõ qua bảng dưới đây:

Bảng 1: Thái độ của đáp viên đối với việc bảo tồn các động vật bị đe dọa

Phát biểu	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không có ý kiến	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
Việc săn bắt các loài động vật hoang dã nên bị pháp luật trừng trị.	261 (65%)	102 (26%)	25 (6%)	5 (1%)	7 (2%)
Các loài động thực vật bị đe dọa là quan trọng ngay cả khi tôi không nhìn thấy hoặc tiếp xúc với chúng	56 (14%)	194 (50%)	92 (24%)	44 (11%)	3 (1%)
Trách nhiệm của mọi người là phải đảm bảo rằng các loài động thực vật mà chúng ta biết hiện nay phải tồn tại cho loài người trong tương lai	150 (38%)	177 (44%)	59 (15%)	8 (2%)	4 (1%)
Các loài động thực vật bị đe dọa không nên là một sự quan tâm ưu tiên của Nhà nước	18 (5%)	61 (15%)	67 (17%)	150 (38%)	100 (25%)
Còn nhiều vấn đề môi trường quan trọng hơn là bảo tồn các loài động vật bị đe dọa	70 (17%)	171 (43%)	61 (15%)	82 (20%)	17 (4%)
Nhà nước nên đầu tư giúp đỡ con người trước khi bỏ tiền để bảo vệ các loài động thực vật bị đe dọa	110 (28%)	170 (43%)	59 (15%)	40 (10%)	14 (4%)
Nhà nước nên thu nhiều tiền hơn để thực hiện các chương trình môi trường	32 (8%)	102 (26%)	136 (35%)	95 (24%)	29 (7%)
Người dân nên đóng góp tiền để bảo tồn các loài động vật bị đe dọa	26 (7%)	105 (27%)	137 (43%)	105 (27%)	23 (6%)
Nhà nước nên thu nhiều thuế hơn để chi trả cho việc bảo vệ các loài động vật bị đe dọa	17 (4%)	76 (19%)	130 (33%)	131 (34%)	37 (9%)

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra

Kết quả khảo sát cho thấy rằng đa số đáp viên xem trọng giá trị tồn tại¹ và giá trị thừa kế² của các động vật bị đe dọa, có hơn 80% đáp viên đồng ý với hai phát biểu: việc săn bắt các loài động vật hoang dã nên bị pháp luật trừng trị và trách nhiệm của mọi người là phải đảm bảo rằng các loài động thực vật mà chúng ta biết hiện nay phải tồn tại cho loài người trong tương lai; có hơn 60% đáp viên đồng ý rằng các loài động thực vật bị đe dọa là quan trọng ngay cả khi họ không nhìn thấy hoặc tiếp xúc với chúng.

Đa số đáp viên đồng ý (38% đáp viên hoàn toàn đồng ý và 25% đồng ý) rằng các loài động thực vật bị đe dọa nên là một sự quan tâm ưu tiên của Nhà nước. Tuy nhiên, hơn một nửa đáp viên lại nghĩ rằng còn những vấn đề quan trọng hơn là bảo tồn các loài động vật bị đe dọa, có hơn 60% đáp viên đồng ý với 2 phát biểu: còn

¹ là giá trị được gán cho việc bảo vệ sự tồn tại một tài nguyên môi trường nào đó. Bởi vì cá nhân không có những sử dụng thực tế hiện thời cũng không có những sử dụng dự kiến trong tương lai

² Nếu trong trường hợp người sử dụng là thế hệ tương lai

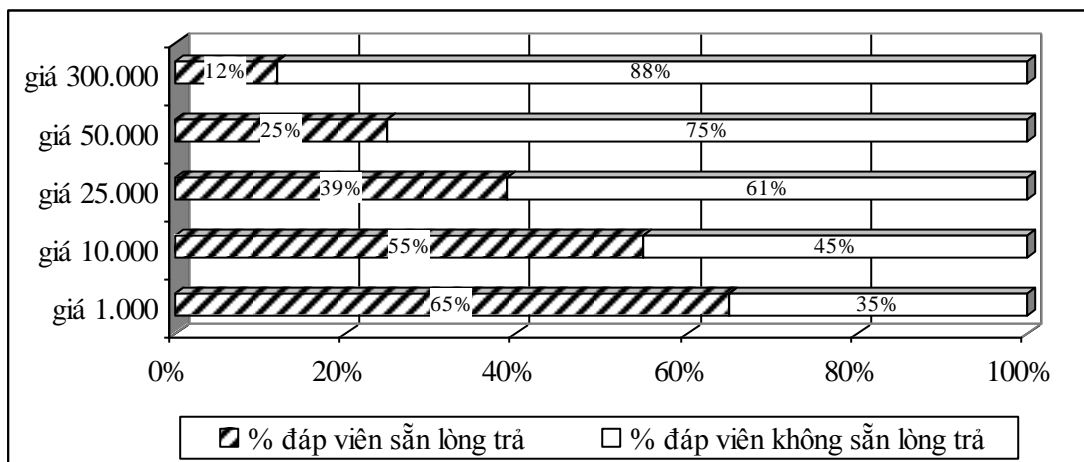
nhiều vấn đề môi trường quan trọng hơn là bảo tồn các loài động vật bị đe dọa, Nhà nước nên đầu tư giúp đỡ con người trước khi bỏ tiền để bảo vệ các loài động thực vật bị đe dọa.

Mặc dù đa số các đáp viên xem trọng giá trị tồn tại và giá trị thừa kế của các động vật bị đe dọa, nhưng không có nhiều người đồng ý ủng hộ tiền để bảo tồn các động vật bị đe dọa. Có dưới 35% đáp viên đồng ý với ba phát biểu: Nhà Nước nên thu nhiều tiền hơn để thực hiện các chương trình môi trường, người dân nên đóng góp tiền để bảo tồn các loài động vật bị đe dọa, Nhà nước nên thu nhiều thuế hơn để chi trả cho việc bảo vệ các loài động vật bị đe dọa.

3.2 Phân tích ước muốn sẵn lòng chi trả (WTP) để bảo tồn Sếu đầu đỏ của người dân thành phố Cần Thơ

3.2.1 Tỷ lệ đáp viên sẵn lòng chi trả cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ

Hình 1 cho thấy tỷ lệ đáp viên sẵn lòng chi trả để ủng hộ cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ không cao (40%). Và tỷ lệ đáp viên sẵn lòng chi trả để ủng hộ cho Chương trình cũng giảm dần khi các mức giá tăng lên: 65% đáp viên đồng ý trả ở mức giá 1.000, 55% ở mức giá 10.000, 39% ở mức giá 25000, 25% ở mức giá 50.000 và thấp nhất là 12% ở mức giá 300.000. Kết quả này phù hợp với kết quả phân tích ở phần 3.1.



Hình 1: Tỷ lệ đáp viên sẵn lòng chi trả cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ

3.2.2 Đo lường sự sẵn lòng chi trả (WTP)

WTP trung bình được ước lượng theo phương pháp phi tham số, thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 2: Đo lường giá trị WTP trung bình

j	t _j	h _j	n _j	S(t _j)	S(t _j)[t _{j+1} - t _j]
0	0	0	166	166/410	166(1000-0)/410
1	1000	56	110	110/410	110(10.000-1000)/410
2	10.000	48	62	62/410	62(25.000-10.000)/410
3	25.000	35	27	27/410	27(50.000-25.000)/410
4	50.000	18	9	9/410	9(300.000-50.000)/410
5	300.000	9	0	0	0
Tổng					12.222

Như vậy kết quả ước lượng giá trị WTP trung bình là 12.222 đồng/hộ gia đình (tương đương 0,43% thu nhập hàng tháng của hộ gia đình).

3.2.3 Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng chi trả của đáp viên cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ.

(a) Xác định và giải thích các biến sử dụng trong mô hình xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng chi trả của đáp viên cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ

Trong đề tài này mô hình Probit được sử dụng nhằm xác định các yếu tố có ảnh hưởng đến sự sẵn lòng chi trả của đáp viên để ủng hộ cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ

$$Y = \beta_1 + \beta_2 X_1 + \beta_3 X_2 + \beta_4 X_3 + \beta_5 X_4 + \beta_6 X_5 + \beta_7 X_6 + u_t \quad t=1,2,3,4,5,6$$

Biến phụ thuộc trong mô hình hồi quy là WTP (Y):

$$WTP = \begin{cases} 1 & \text{nếu đáp viên sẵn lòng chi trả để ủng hộ cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ} \\ 0 & \text{nếu đáp viên không sẵn lòng chi trả để ủng hộ cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ} \end{cases}$$

Các biến giải thích (theo dự báo có thể có ảnh hưởng đến sự sẵn lòng chi trả của đáp viên) đưa vào mô hình gồm có:

Giá (X_1): là các mức giá được đưa ra trong các bảng câu hỏi để hỏi các đáp viên có sẵn lòng chi trả để ủng hộ cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ hay không. Các mức giá đưa ra là 1.000, 10.000, 25.000, 50.000, 300.000, đơn vị tính là đồng. Theo Trương Đăng Thụy (2007), các mức giá có ảnh hưởng đến sự sẵn lòng chi trả của đáp viên, mức giá đưa ra càng cao thì khả năng đáp viên sẵn lòng chi trả cho Chương trình bảo tồn càng thấp.

Trình độ học vấn (X_2): là trình độ học vấn của đáp viên, được mã hóa theo thứ tự như sau: không tham gia các lớp học chính thức=1, tiểu học=2, trung học cơ sở=3, trung học phổ thông=4, trung học chuyên nghiệp/đào tạo nghề=5, cao đẳng/đại học=6, cao học=7, nghiên cứu sinh hoặc cao hơn=8. Theo Ranjith Bandara và Clem Tisdell (2004), trình độ học vấn (số năm đi học) có ảnh hưởng tích cực đến sự sẵn lòng chi trả của đáp viên.

Thu nhập (X_3): là thu nhập của gia đình đáp viên, đơn vị tính là triệu đồng. Theo Ranjith Bandara và Clem Tisdell (2004) thì thu nhập có ảnh hưởng tích cực đến sự sẵn lòng chi trả của đáp viên.

Giới tính (X_4): là giới tính của đáp viên, được mã hóa là 1 nếu đáp viên là nam, và mã hóa là 0 nếu đáp viên là nữ. Nam giới thường hay theo dõi và nắm bắt thông tin nhiều hơn nữ giới, nên có thể họ sẽ có nhiều thông tin hơn về các động vật bị đe dọa và có thể có thái độ tích cực hơn trong việc bảo tồn động vật bị đe dọa. Do đó, biến giới tính cũng được kỳ vọng là có ảnh hưởng cùng chiều đến sự sẵn lòng chi trả của đáp viên cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ.

Biết thực trạng của Sếu đầu đỏ (X_5): được mã hóa là 1 nếu đáp viên biết thực trạng của Sếu đầu đỏ và mã hóa là 0 nếu đáp viên không biết. Khi biết thông tin về thực

trạng của Sếu đầu đỏ và thấy được sự cần thiết phải bảo vệ Sếu đầu đỏ, có thể đáp viên sẽ sẵn lòng chi trả cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ. Do đó, biết thực trạng của Sếu đầu đỏ được kỳ vọng là sẽ có ảnh hưởng cùng chiều đến sự sẵn lòng chi trả của đáp viên cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ.

Tin tưởng Chương trình hoạt động hiệu quả (X_6): được mã hóa là 1 nếu đáp viên tin tưởng Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ sẽ hoạt động hiệu quả và mã hóa là 0 nếu đáp viên không tin. Khi tin tưởng Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ sẽ hoạt động hiệu quả có thể đáp viên sẽ sẵn lòng chi trả cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ. Do đó, tin tưởng Chương trình hoạt động hiệu quả được kỳ vọng là sẽ có ảnh hưởng cùng chiều đến sự sẵn lòng chi trả của đáp viên cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ.

(b) Kết quả xử lý mô hình Probit về các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng chi trả cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ

Trước khi thực hiện hồi quy, vấn đề đa cộng tuyến đã được kiểm tra, kết quả kiểm tra cho thấy mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến. Sau khi thực hiện hồi quy mô hình cũng được kiểm tra xem có bỏ sót biến hay không và kiểm tra phần trăm dự báo đúng của mô hình, kết quả cho thấy mô hình không có bỏ sót biến, phần trăm dự báo đúng của mô hình là 70,13%, điều này cho thấy mức độ phù hợp của mô hình khá cao. Do giới hạn của quy mô bài viết nên phần này chỉ trình bày kết quả hồi quy, thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3: Kết quả hồi quy

Biến	Hệ số góc	Hệ số P
Giá(*)	-4,73e-06	0,000
Trình độ học vấn(***)	0,1023029	0,083
Thu nhập (***)	5,71e-08	0,079
Giới tính	0,0619738	0,665
Biết thực trạng của Sếu đầu đỏ(**)	0,3804229	0,010
Tin tưởng Chương trình hoạt động hiệu quả(*)	0,6283129	0,000

Ghi chú: (*): biến có ý nghĩa ở mức 1%, (**): biến có ý nghĩa ở mức 5%, (***): biến có ý nghĩa ở mức 10%.

Kết quả hồi quy cho thấy trong mô hình có năm biến có ý nghĩa về mặt thống kê, gồm có:

Giá: có hệ số góc âm ở mức ý nghĩa 1%, chứng tỏ giá có ảnh hưởng ngược chiều với sự sẵn lòng chi trả của đáp viên cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ, tức là mức giá đưa ra càng cao thì khả năng đáp viên sẵn lòng chi trả sẽ càng thấp.

Trình độ học vấn: có hệ số góc dương ở mức ý nghĩa 10%, chứng tỏ trình độ học vấn của đáp viên có ảnh hưởng cùng chiều đến sự sẵn lòng chi trả của đáp viên cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ, tức là trình độ học vấn của đáp viên càng cao thì khả năng đáp viên sẵn lòng chi trả sẽ càng cao.

Thu nhập: có hệ số góc dương ở mức ý nghĩa 10%, chứng tỏ thu nhập của gia đình đáp viên có ảnh hưởng cùng chiều đến sự sẵn lòng chi trả của đáp viên cho

Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ, tức là thu nhập của gia đình đáp viên càng cao thì khả năng đáp viên sẵn lòng chi trả sẽ càng cao.

Biết thực trạng của Sếu đầu đỏ: có hệ số góc dương ở mức ý nghĩa 5%, chứng tỏ biến này có ảnh hưởng cùng chiều đến sự sẵn lòng chi trả của đáp viên cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ, tức là khi đáp viên biết về thực trạng của Sếu đầu đỏ thì khả năng họ sẵn lòng chi trả sẽ cao hơn đáp viên không biết.

Tin tưởng chương trình hoạt động hiệu quả: có hệ số góc dương ở mức ý nghĩa 1%, chứng tỏ biến này có ảnh hưởng cùng chiều đến sự sẵn lòng chi trả của đáp viên cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ, tức là khi đáp viên tin tưởng rằng Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ sẽ hoạt động hiệu quả thì khả năng họ sẵn lòng chi trả cho Chương trình sẽ cao hơn đáp viên không tin tưởng vào Chương trình.

Biến còn lại trong mô hình (giới tính) không có ý nghĩa về mặt thống kê ở mức ý nghĩa 10%.

4 KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1 Kết luận

Cuộc nghiên cứu cho thấy rằng môi trường không nằm trong ba vấn đề quốc gia mà đáp viên quan tâm nhất hiện nay và việc bảo tồn các động vật bị đe dọa cũng không được ưu tiên cao trong sự quan tâm của đáp viên đối với các vấn đề về môi trường. Mặc dù người dân bày tỏ rằng họ xem trọng giá trị tồn tại và giá trị thừa kế của các động vật bị đe dọa, nhưng không có nhiều người đồng ý ủng hộ tiền để bảo tồn các động vật này. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy rằng người dân chưa có nhiều thông tin về Sếu đầu đỏ.

Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng tỷ lệ đáp viên sẵn lòng chi trả để ủng hộ cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ dưới 50%. Sử dụng phương pháp phi tham số để ước lượng WTP trung bình cho thấy các hộ gia đình đã sẵn lòng trả trung bình là 12.222 đồng/hộ để bảo tồn Sếu đầu đỏ (mặc dù việc ủng hộ tiền để bảo tồn động vật bị đe dọa là việc khá mới mẻ ở Việt Nam). Các yếu tố có ảnh hưởng đến sự sẵn lòng chi trả của đáp viên cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ là: mức giá đưa ra khảo sát, trình độ học vấn của đáp viên, thu nhập của gia đình đáp viên, hiểu biết của đáp viên về thực trạng của Sếu đầu đỏ và sự tin tưởng của đáp viên vào Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ.

Trong việc thu nhận sự đóng góp của người dân cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ, cách thu tiền thông qua hóa đơn tiền điện không được đa số đáp viên chấp nhận, họ thích thu riêng khoản tiền này.

4.2 Kiến nghị

Nhà nước nên cung cấp thông tin về các động vật bị đe dọa trên các phương tiện thông tin đại chúng nhiều hơn và thường xuyên hơn để nâng cao hiểu biết của người dân về vấn đề này, và qua đó khuyến khích họ quan tâm đến việc bảo tồn các động vật bị đe dọa. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng nên xem xét để đưa vấn đề về các động vật quý hiếm bị đe dọa và việc bảo tồn những loài này vào chương trình giáo dục học sinh.

Nếu việc thu quỹ cho Chương trình bảo tồn Sếu đầu đỏ được thực hiện thì:

- Ban tổ chức Chương trình nên cung cấp thông tin về Sếu đầu đỏ và tuyên truyền mục đích của cuộc vận động này cho người dân.
- Bộ phận phụ trách thu và quản lý nguồn Quỹ này nên chọn phương pháp thu tiền phù hợp và tạo niềm tin cho người dân đối với Chương trình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Navrud, S. (1999), *The Contingent Valuation Method, Step-by-step. Lecture Note*, Norwegian University of Life Sciences.

Ranjith Bandara and Clem Tisdell (2004). “Effects of a Change in Abundance of Elephants on Willingness to Pay for Their Conservation”, *Economics, Ecology and the Environment*, Working Paper No. 98, School of Economics, University of Queensland, Ustralia.

Sách đỏ Việt Nam, (2007) NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ, Hà Nội.

Truong Đang Thuy (2007). *Willingness to Pay for Conservation of The Vietnamese Rhino*, Faculty of Developments Economics, University of Economics – Ho Chi Minh City.